

Bản án số: 245/2018/DS-PT

Ngày: 11-10-2018

V/v Tranh chấp quyền sử dụng
đất và tài sản gắn liền với đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Phương.

Các Thẩm phán: Ông Trương Phước Tự.

Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Trần Ngọc Trang – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 04/10/2018 và ngày 11/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2018/TLPT-DS, ngày 14 tháng 8 năm 2018, về việc “Tranh chấp về dân sự quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2017/DS-ST ngày 05/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 266/2018/QĐ-PT, ngày 10 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Bình C, xã Bình T, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là bà Lê Hồng D – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thuộc Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1966 (có mặt);
2. Bà Nguyễn Thị Thu E, sinh năm 1968 (vắng mặt) ;

Cùng địa chỉ: Ấp Bình C, xã Bình T, huyện Thanh B tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp;

Địa chỉ: Quốc lộ 30, thị trấn Thanh B, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn N – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo ủy quyền là ông Huỳnh Văn N - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

2. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp;

Địa chỉ: Quốc lộ 30, khóm Tân Đông B, thị trấn Thanh B, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Hữu L – Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Dương Thọ T – Trưởng phòng kế hoạch và kinh doanh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

3. Anh Nguyễn Bình T, sinh năm 1989 (vắng mặt);
4. Chị Nguyễn Thị An N, sinh ngày 11/7/2001;

Người đại diện theo pháp luật của An N là ông Nguyễn Thanh S (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Bình C, xã Bình T, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

5. Chị Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1991 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà 09/10, ấp Tân A, xã Tân H, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long.

6. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1955 (vắng mặt);

7. Chị Nguyễn Thị D1, sinh năm 1958(vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Bình T, xã Bình T, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

8. Ông Nguyễn Thanh D2 (T), sinh năm 1947(vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Bình Đ, xã Bình T, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp;

9. Anh Nguyễn Ái Lê T1, sinh năm 1984(vắng mặt);

Địa chỉ: Số 6, Tôn Đức T, phường Mỹ B, thành phố Long X, tỉnh An Giang;

10. Bà Lê Thị H, sinh năm 1954(vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Thị 2, thị trấn Mỹ L, huyện Chợ M, tỉnh An Giang;

11. Anh Nguyễn Ái Lê T2, sinh năm 1981(vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Mỹ Q, thị trấn Mỹ L, huyện Chợ M, tỉnh An Giang;

12. Chị Huỳnh Thị Thúy V, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp Bình C, xã Bình T, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo ủy quyền là Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1962; địa chỉ: Số nhà 668, ấp Bình C, xã Bình T, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp(có mặt);

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thanh S là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Đất tranh chấp có nguồn gốc của bà Đặng Thị A (Bà A chết năm 1982) và ông Nguyễn Thanh L (Ông L chết năm 1970) để lại, năm 1979 bà T ly hôn nên về sống cùng với mẹ là bà A, cháu Nguyễn Thanh N và em út là Nguyễn Thanh S.

Sau khi bà A chết, bà T, cháu N và ông S vẫn sống chung với nhau, khoảng 03 năm sau, ông Sang lập gia đình, do đó anh em trong gia đình gồm: Ông D, ông Đ (Đã chết) và bà D đến đón cây cát nhà cho bà T ở ngay vị trí đất đang tranh chấp vào năm 1985. Nhà có chiều ngang khoảng 4,9m dài hơn 10m, bà T đã ở trên đất tính đến nay là 03 xác nhà, năm 2013 bà T sửa lại nhà thì ông S tranh chấp.

Nay bà T yêu cầu được tiếp tục ở trên diện tích đất theo đo đạc thực tế là 132,6m², thuộc một phần thửa 2870, tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp Bình Chánh, xã Bình Thành, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; Yêu cầu Tòa án xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 052422 có số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H3411 do Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình cấp cho hộ ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Thu E ngày 08/10/2009.

Trên đất tranh chấp có hai cây dừa do bà A trồng tính đến nay đã hơn 30 năm (Hiện nay một cây đã chết nhưng chưa đốn, một cây còn sống, hàng năm ông S thu hoạch trái), theo định giá là 560.000đ/cây, nay bà T yêu cầu trả cho ông S 560.000đ để được sở hữu cây dừa nêu trên để bà đốn vì hai cây dừa giáp với nhà của bà.

Về chi phí tố tụng: Nếu bà T được quyền sử dụng đất, bà tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí tố tụng.

Bị đơn Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Thu E trình bày:

Cha mẹ ông S có tạo lập được khoảng 14-15 công đất, sau đó cho ông D (Hai T), ông Đ đất ở, tại ấp Bình Định, xã Bình Thành, 20 công đất ruộng tại ấp Bình Trung, xã Bình Thành cho bà P, bà T và bà D, phần còn lại gồm có đất ruộng, đất thổ cư và đất cây lâu năm có mồ mả của ông bà trên đất, để lại cho ông quản lý diện tích khoảng 8.000m².

Khoảng năm 1987 bà Thủy làm nhà ở trên đất tranh chấp, làm nhà lán đầu bằng tre, lá chiều ngang khoảng 04m, chiều dài khoảng 06m, khi làm nhà do ông D, ông và hàng xóm đứng ra làm dùm, sau khi nhà hư hỏng thì cất lại bằng cây bạch đàn diện tích cũng như trên, sau này mới làm lại và che thêm cho đến nay, theo diện tích đo đạc thực tế là 132,6m² thuộc một phần thửa 2870, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông và bà E đứng tên.

Nay ông và bà E có ý kiến như sau: Không đồng ý với yêu cầu của bà T, ông và bà E đồng ý cho bà T ở tạm không được làm nhà kiên cố, ở cho đến khi bà T có nơi ở khác; Về hai cây dừa trên đất, hiện nay bị chết một cây nhưng chưa đốn, ông yêu cầu giao cho ông sở hữu cây còn sống, cây dừa chết thì giao cho bà T đốn.

Về giá đất: Theo ông giá đất hiện nay trên thị trường khoảng 300.000.000đ.

Về chi phí tố tụng: Yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân huyện Thanh B có văn bản trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thanh T làm nhà ở trên đất tranh chấp năm 1985 - 1986 ở đến nay, việc xem xét bà T có đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không, đề nghị Tòa án xem xét. Trước đây Hội đồng xét duyệt đưa dân vào cụm, tuyến dân cư giai đoạn một, bà T được xét bán trả chậm một nền, bà T không nhận và có làm đơn xin trả lại, Ủy ban nhân dân xã Bình T đã thu hồi và xét bán cho người khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Thanh B có văn bản trình bày ý kiến:

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Thanh B không yêu cầu khởi kiện đối với ông S và bà E.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Bình T, chị Nguyễn Thị An N, chị Nguyễn Thị Thúy A có văn bản trình bày ý kiến:

Anh, chị là con của ông S và bà E, hiện nay giữa cha mẹ anh chị và bà T có tranh chấp quyền sử dụng đất. Bà T yêu cầu cha mẹ anh chị chuyển quyền sử dụng đất cho bà T, việc tranh chấp này anh, chị không có ý kiến và yêu cầu gì anh, chị giao cho cha mẹ quyết định mọi vấn đề liên quan, không có ý kiến khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P có văn bản trình bày:

Bà là chị ruột của ông S và bà T, cha là ông Nguyễn Thanh L (Chết năm 1970), mẹ là bà Đặng Thị A (Chết năm 1982). Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha bà, sau khi cha chết để lại mẹ, sau khi mẹ chết để lại cho ông S. Việc bà T cất nhà trên đất vào năm nào bà không nhớ, bà không yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất cũng như cây trên đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D1 và ông Nguyễn Thanh D2 có văn bản trình bày:

Ông, bà là chị ruột của ông S và bà T, nguồn gốc đất tranh chấp là của mẹ để lại cho ông Đ, nhưng ông Đ không nhận mà để lại cho ông S và bà T, theo đó ông S được phần đất phía sau hậu nhà bà T hiện nay, bà T đã cất nhà ở trên đất vào năm 1985 và ở đến nay, diện tích bao nhiêu ông, bà không nhớ. Lúc bà T làm nhà, có ông S, ông D (T) và hàng xóm làm nhà cho bà T. Vì đất đã cho bà T nên ông, bà không yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất và cây trên đất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H có văn bản trình bày ý kiến:

Bà là vợ của ông Nguyễn Thanh Đ (Chết năm 2014) ông Đ là anh bà T và ông S, nguồn gốc đất ông S và bà T đang tranh chấp là của cha mẹ chồng bà cho ông Đ, nhưng ông Đ không nhận và để lại cho anh em trong nhà quản lý và sử dụng, để lại cho ai thì ông Đ không nói với bà. Nay bà không yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất đối với phần đất ông S và bà T tranh chấp với cây trồng trên đất và không có yêu cầu gì đối với ông S và bà T trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ái Lê T2 và Nguyễn Ái Lê T1 có văn bản trình bày:

Các anh là con ruột của ông Nguyễn Thanh Đ (Chết năm 2014), nguồn gốc đất ông S và bà T đang tranh chấp, các anh được ông Đ nói lại là của ông bà nội cho cha, nhưng cha không nhận mà để lại cho anh em của cha sinh sống tại huyện Thanh Bình quản lý sử dụng, cha thì về sống bên quê ngoại tại huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Cha các anh không nói là đất để lại cho người nào nên các anh không biết. Nay các anh không yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất cũng như cây trên đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Thúy V có văn bản trình bày:

Chị không có tranh chấp gì đối với phần đất mà mẹ chị và ông S tranh chấp, chị giao toàn quyền quyết định cho mẹ chị.

Bản án sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 05/4/2018 và Quyết định 04A/2018/QĐ-SCBSBA ngày 18/4/2018 về việc sửa chữa bổ sung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Thu E, anh Nguyễn Bình T chị Nguyễn Thị Thúy A và chị Nguyễn Thị An N;

Buộc ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Thu E, anh Nguyễn Bình T, chị Nguyễn Thị Thúy A và chị Nguyễn Thị An N phải giao quyền sử dụng diện tích 127,8m² đất, đất thuộc một phần thửa 2870, tờ bản đồ số 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 052422, có sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H3411 do Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình cấp cho hộ ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Thu E ngày 08/10/2009, đất hiện nay bà T đang quản lý sử dụng (Có sơ đồ đo đạc ngày 16/10/2017 kèm theo);

Đất có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp với đất của ông S từ mốc số 1 đến mốc số 8, 7, 6 có chiều dài là 20,51m;

- Phía Nam giáp với đất của bà H, từ mốc số 3 đến mốc số 4, 5 có chiều dài là 21,09m;

- Phía Đông giáp với đường bê tông từ mốc số 1 đến mốc số 3 có chiều dài là 7,03m;

- Phía Tây giáp với đất ông S từ mốc số 5 đến mốc số 6 có chiều dài là 6,12m;

Bà Nguyễn Thị Thanh T phải tháo dỡ, di dời nền lát gạch tàu, bao che bằng cây tre, mái lợp tol, để trả lại cho ông Sang, bà E, anh T, chị A và chị N 4,8m² đất, đất thuộc một phần thửa 2870, tờ bản đồ số 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 052422, có sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H3411, do Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình cấp cho hộ ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Thu E ngày 08/10/2009 đất tọa lạc tại ấp Bình Chánh, xã Bình Thành, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, đất hiện nay bà T đang quản lý sử dụng (Có sơ đồ đo đạc ngày 16/10/2017 kèm theo);

Đất có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp với đất của ông S, từ mốc số 10 đến mốc số 9 có chiều dài là 5,84m;

- Phía Nam giáp với đất của bà T, từ mốc số 1 đến mốc số 8 có chiều dài là 6,32m;

- Phía Đông giáp với đường bê tông, từ mốc số 1 đến mốc số 10 có chiều dài là 0,15m;

- Phía Tây giáp với đất ông S từ mốc số 8 đến mốc số 9 có chiều dài là 0,79m;

2. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 052422, có sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H3411 do Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình cấp cho hộ ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Thu E ngày 08/10/2009;

Bà T có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ông S, bà E, anh T, chị A và chị N có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất thực tế còn lại.

3. Chấp nhận yêu cầu của bà T đối với ông S về việc được quyền sở hữu hai cây dừa trên đất (Một cây đã chết nhưng chưa đốn, một cây còn sống);

Bà T phải trả cho ông S 560.000đ (Năm trăm sáu mươi nghìn đồng);

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, ông S có đơn yêu cầu thi hành án mà bà T chưa thi hành xong số tiền trên, thì phải chịu lãi suất cơ bản do Ngân hàng

Nhà nước công bố vào từng thời điểm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

5. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản số tiền là 2.618.610 đồng, đã nộp chi xong.

6. Về án phí sơ thẩm dân sự: Ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Thu E, anh Nguyễn Bình T, chị Nguyễn Thị Thúy A và chị Nguyễn Thị An N chịu trách nhiệm liên đới phải nộp 958.500đ (Chín trăm năm mươi tám nghìn năm trăm đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình;

Bà T được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 337.000đ (Ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai số BM/2012-028395 ngày 04/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/4/2018 bị đơn Nguyễn Thanh S có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 05/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình.

- Ông S đồng ý để bà Nguyễn Thị Thanh T cất nhà tạm ở trên phần đất có diện tích 82,2m², các mốc 1, 2, 2'', 7'', 7, 8, 1 thuộc một phần thửa 2870, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp Bình Chánh, xã Bình Thành, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp đến khi bà T có nơi ở khác thì phải trả đất lại cho ông S.

- Bà Nguyễn Thị Thanh T trả lại cho ông S diện tích 45,6m², các mốc 2, 3, 4, 5, 6, 7, 7'', trên đất có hai cây dừa và diện tích 4,8m² thuộc các mốc 1, 8, 9, 10 thuộc một phần thửa 2870, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp Bình Chánh, xã Bình Thành, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông S là bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu Tòa phúc thẩm xử sửa án sơ thẩm, buộc bà T phải trả ngay cho ông 50,4m² đất, chấp nhận cho bà T sử dụng ở tạm diện tích 82,2m² đến khi nào có đất khác thì trả lại cho ông S, vì lý do phần đất tranh chấp này là thuộc phần đất của cha mẹ để lại cho ông S hưởng, ông S đã được cấp giấy đất.

Bà T tiếp tục giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa phúc thẩm xử y như bản án sơ thẩm của Tòa huyện Thanh Bình.

Ông Dương Thọ T đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Thanh Bình, Đồng Tháp giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở sơ thẩm.

Bà D là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có ý kiến là bà T đã ở trên đất này liên tục, ổn định lâu dài từ trước khi ông S được cấp giấy, đất có nguồn gốc của cha mẹ chung, ông S đăng ký cấp giấy luôn cả phần của bà T là không đúng pháp luật. Đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát Tỉnh phát biểu ý kiến về tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật; về nội dung Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông S, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Đất tranh chấp 132,6m², nằm trong diện tích chung 390m², thuộc thửa 2870, QSDĐ cấp cho hộ ông S, bà E; đất tranh chấp đang do hộ bà T sử dụng ở.

[2]. Nguồn gốc đất là của cha mẹ chung của bà T và ông S tạo lập, cha L chết trước, bà T là con gái li hôn chồng về sống chung hộ mẹ A, trong đó có ông S, năm 1982 bà A chết, bà T và em trai là ông S tiếp tục sống chung trong nhà trên đất này; khoản năm 1985 ông S lấy vợ về ở chung, thấy vậy ông S và anh chị em của ông S, bà T và người hàng xóm cùng tiếp giúp cất căn nhà khác gần bên trên đất này cho bà T ở riêng. Từ đây bà T ở, sử dụng đất liên tục, đã qua nhiều lần cất lại nhà ông S đều có tiếp giúp và không ngăn cản và bà T đã ở ổn định đến nay, nhưng ông S kê khai, đăng ký nên được cấp giấy toàn bộ diện tích của thửa đất này, bao gồm luôn cả phạm vi đất của bà T đang sử dụng ở; theo yêu cầu của Tòa án, UBND huyện Thanh Bình đã có văn bản xác định cấp theo hồ sơ kê khai, lúc đó bà T không có ý kiến và hiện nay bà T không có đất khác.

[3]. Từ nguồn gốc và diễn biến sử dụng, cho thấy đất là của cha mẹ để lại, không có di chúc phân chia cho ai, cũng như ông S cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh được cha mẹ cho riêng ông S, vậy nên, bà T, ông S đều là con, mỗi người sử dụng 1 phần là phù hợp, thỏa đáng.

[4]. Ý kiến của bà D trợ giúp viên pháp lý bảo vệ cho bà T đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông S, giữ nguyên án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông S, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[6]. Từ những tình tiết, nội dung nhận định trên, có đủ cơ sở kết luận: Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà T đối với ông S và bà E, bà T được quyền sử dụng đất diện tích 127,8m² mà bà T đang sử dụng ở là phù hợp pháp luật; ông S kháng cáo đưa ra nội dung, yêu cầu không có căn cứ, nên không được chấp nhận kháng cáo, phải giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo luật định.

[8]. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9]. Tuy nhiên, do phần quyết định án sơ thẩm tuyên không chính xác, rõ ràng, tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S và bà E là không cần thiết, cấp phúc thẩm cần thiết phải sửa cách tuyên án cho cụ thể và chính xác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: khoản 5 Điều 100, Điều 166, Điều 170 Luật đất đai; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/12/2009 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh S; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2018/DS-ST ngày 05/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu về tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Thu E, anh Nguyễn Bình T, chị Nguyễn Thị Thúy A và chị Nguyễn Thị An N;

Công nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Thanh T đối với một phần hiện trạng đất bà T đang sử dụng ở, có diện tích là 127,8m², loại đất ONT, đất thuộc một phần thửa 2870, tờ bản đồ số 05, tại ấp Bình Chánh, xã Bình Thành, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AQ 052422, số vào sổ: H3411 do Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình cấp cho hộ ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Thu E ngày 08/10/2009; đất có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp với đất của ông S từ mốc số 1 đến mốc số 8, 7, 6 có chiều dài là 20,51m;

- Phía Nam giáp với đất của bà H, từ mốc số 3 đến mốc số 4, 5 có chiều dài là 21,09m;

- Phía Đông giáp với đường bê tông từ mốc số 1 đến mốc số 3 có chiều dài là 7,03m;

- Phía Tây giáp với đất ông Sang từ mốc số 5 đến mốc số 6 có chiều dài là 6,12m;

(có sơ đồ đo đạc ngày 16/10/2017 kèm theo).

3. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải tháo dỡ, di dời nền lát gạch tàu, bao che bằng cây tre, mái lợp tol, để trả lại cho ông S, bà E, anh T, chị A và chị N diện tích 4,8m² đất, đất thuộc một phần thửa 2870, tờ bản đồ số 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AQ 052422, số vào sổ: H3411, do Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình cấp cho hộ ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Thu E ngày 08/10/2009, đất tọa lạc tại ấp Bình Chánh, xã Bình Thành, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, đất hiện tại bà T đang quản lý sử dụng; đất có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp với đất của ông S, từ mốc số 10 đến mốc số 9 có chiều dài là 5,84m;

- Phía Nam giáp với đất của bà T, từ mốc số 1 đến mốc số 8 có chiều dài là 6,32m;

- Phía Đông giáp với đường bê tông, từ mốc số 1 đến mốc số 10 có chiều dài là 0,15m;

- Phía Tây giáp với đất ông S từ mốc số 8 đến mốc số 9 có chiều dài là 0,79m;

(có sơ đồ đo đạc ngày 16/10/2017 kèm theo).

4. Các bên đương sự là bà T; ông S, bà E, anh T, chị A và chị N phải đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký và điều chỉnh diện tích và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án đã tuyên; Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông

Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Thu E đối với diện tích 127,8m² đất ONT thuộc một phần diện tích của thửa đất số 2870, tờ bản đồ số 5 tại xã Bình Thành, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Thanh T theo luật định.

5. Chấp nhận yêu cầu sở hữu cây trồng của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Thu E. Bà T được quyền sở hữu hai cây dừa trên đất (một cây đã chết nhưng chưa đốn, một cây còn sống); bà T phải trả cho ông S 560.000đ (Năm trăm sáu mươi nghìn đồng);

Kể từ ngày ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Thu E có đơn yêu cầu thi hành án, mà bà Nguyễn Thị Thanh T chưa thanh toán số tiền nêu trên, thì bà T còn phải chịu lãi cho ông S, bà E theo mức lãi quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

6. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản số tiền là 2.618.610 đồng, đã nộp chi xong.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Thu E phải liên đới nộp 958.500đ (Chín trăm năm mươi tám nghìn năm trăm đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình;

+ Bà T được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 337.000đ (Ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai số BM/2012-028395 ngày 04/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

8. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Thanh S phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng ngày 19/4/2018 theo biên lai thu số 0002539 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình (ông S không phải nộp thêm).

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện Thanh Bình;
- CCTHADS huyện Thanh Bình;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Phương